

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 272/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Hồng C, sinh năm 1993; căn cước công dân số 074193001179; địa chỉ: Số E, ấp P, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn L, sinh năm 1985; căn cước công dân số 087085020156; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Trần Thanh T, số A, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Hồng C trình bày:

Bà Đỗ Hồng C và ông Ngô Văn L là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 28/11/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2016 khi bà C sinh cháu Ngô Triệu M thì hai vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau về vấn đề con chung, về tiền bạc. Hai người không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2016. Vì con nhỏ nên bà C nhiều lần nhẫn nhịn, cố gắng chịu đựng để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Đỗ Hồng C và ông Ngô Văn L có 01 con chung là cháu Ngô Triệu M, sinh ngày 01/10/2014. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M.

Về cấp dưỡng: Bà C không đề nghị ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô Văn L Bị Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/6/2025 có mặt tại trụ sở Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không có lý do (bút lục 15 đến 18); Tòa án tổng đạt giấy triệu tập ông L tham gia phiên tòa lúc 08 giờ 00 phút ngày 29 tháng 7 năm 2025 nhưng ông L tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa; Tòa án tổng đạt giấy triệu tập ông L tham gia phiên tòa lần 02 lúc 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 8 năm 2025 nhưng ông L không đến Tòa mà không có lý do chính đáng (bút lục 34 - đến 41). Ông L cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Hồng C và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông L vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Đỗ Hồng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Ngô Văn L nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Ngô Văn L đang cư trú tại Nhà trọ Trần Thanh T, số A, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Hồng C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Ngô Văn L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng C và ông Ngô Văn L là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 28/11/2014. Hôn nhân của bà C và ông L là hợp pháp. Nay, bà C yêu cầu ly hôn với ông L vì lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Bà C trình bày: Sau khi kết hôn bà C và ông L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông L không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc. Việc bà C, ông L không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Qua xác minh tại địa phương

nơi vợ chồng bà C, ông L cư trú về vấn đề mâu thuẫn gia đình thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà C, ông L không trình báo với địa phương.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà C, ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông L.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông L có 01 con chung là cháu Ngô Triệu M, sinh ngày 01/10/2014. Bà C đề nghị giao cháu Ngô Triệu M cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu M có nguyện vọng sống chung với mẹ. Xét thấy, cháu Ngô Triệu M là con gái và có nguyện vọng sống cùng với bà C nên việc giao cháu cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Hồng C không yêu cầu ông Ngô Văn L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều: 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Hồng C đối với bị đơn ông Ngô Văn L về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Hồng C được ly hôn với ông Ngô Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 28/11/2014 do UBND xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp).

Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Triệu M, sinh ngày 01/10/2014 cho bà Đỗ Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Ngô Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Ngô Văn L lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đỗ Hồng C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Ngô Văn L.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Đỗ Hồng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001965 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã T2, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thị Kim Thoa